

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 324/1998/QĐ-NHNN1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997;
Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02 tháng 3 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Nghiên cứu kinh tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 1998 và thay thế các quy định tại các văn bản của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước như sau:

1. Quyết định số 198/QĐ-NH1 ngày 16/9/1994 ban hành Thẻ lệ tín dụng ngắn hạn đối với các tổ chức kinh tế; Quyết định số 199/QĐ-NH1 ngày 28/6/1997 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thẻ lệ tín dụng ngắn hạn ban hành kèm theo Quyết định số 198/QĐ-NH1 ngày 16/9/1994; Quyết định số 367/QĐ-NH1 ngày 21/12/1995 về việc ban hành thẻ lệ tín dụng trung hạn, dài hạn; Quyết định số 200/QĐ-NH1 ngày 28/06/1997 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thẻ lệ tín dụng trung hạn, dài hạn ban hành kèm theo Quyết định số 367/QĐ-NH1 ngày 21/12/1995; Quyết định số 18/QĐ-NH5 ngày 16/02/1994 ban hành thẻ lệ cho vay vốn phát triển kinh tế gia đình và cho vay tiêu dùng; Quyết định số 77-NH/QĐ ngày 13/6/1991 ban hành Thẻ lệ tín dụng đầu tư xây dựng cơ bản trong kế hoạch Nhà nước; Quyết định số 270-QĐ/NH1 ngày 25/9/1995 ban hành thẻ lệ cho vay vốn ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất; Quyết định số 185/QĐ-NH5 ngày 06/9/1994 về việc ban hành Quy chế dịch vụ cầm cố.

2. Các văn bản khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành trước ngày quyết định này có hiệu lực trái với quy định quyết định này đều hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Các hợp đồng tín dụng được ký kết từ trước ngày quyết định này có hiệu lực nhưng chưa giải ngân hoặc giải ngân chưa hết và các hợp đồng tín dụng đã cho vay còn dư nợ đến cuối ngày trước khi quyết

định này có hiệu lực thì tổ chức tín dụng và khách hàng tiếp tục thực hiện theo các điều khoản đã ký kết cho đến khi thu hết nợ. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các tổ chức tín dụng báo cáo Ngân hàng Nhà nước để có hướng dẫn bổ sung.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Trung ương; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Tỉnh, Thành phố; Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng và khách hàng vay vốn của các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ

CHO VAY CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 324/1998/QĐ-NHNN
ngày 30/9/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc cho vay bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ của tổ chức tín dụng đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đầu tư phát triển và đời sống.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức tín dụng được thành lập và thực hiện nghiệp vụ cho vay theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.

2. Khách hàng vay tại tổ chức tín dụng, bao gồm:

a) Các pháp nhân là: Doanh nghiệp Nhà nước, hợp tác xã, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức khác có đủ các điều kiện quy định tại Điều 94 của Bộ luật dân sự;

b) Cá nhân;

c) Hộ gia đình;

d) Tổ hợp tác;

đ) Doanh nghiệp tư nhân;

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cho vay là một hình thức của cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích và thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.
2. Thời hạn cho vay là một khoảng thời gian được tính từ khi khách hàng bắt đầu nhận tiền vay cho đến thời điểm trả hết nợ gốc và lãi tiền vay đã được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng.
3. Kỳ hạn trả nợ là các khoảng thời gian trong thời hạn cho vay đã được thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó khách hàng phải trả một phần hoặc toàn bộ tiền vay cho tổ chức tín dụng.
4. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về việc thay đổi các kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng tín dụng.
5. Gia hạn nợ vay là việc tổ chức tín dụng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian ngoài thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.
6. Dự án đầu tư hoặc phương án sản xuất kinh doanh là một tập hợp những đề xuất bỏ vốn để sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và phục vụ đời sống trong một khoảng thời gian xác định.
7. Hạn mức tín dụng là mức dư nợ vay tối đa được duy trì trong một thời hạn nhất định mà tổ chức tín dụng và khách hàng đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Điều 4. Thực hiện quy định về quản lý ngoại hối

Trong khi cho vay bằng ngoại tệ, tổ chức tín dụng và khách hàng phải thực hiện đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về quản lý ngoại hối.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Quyền tự chủ trong cho vay của tổ chức tín dụng

Tổ chức tín dụng tự chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình. Không một tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào quyền tự chủ trong cho vay của tổ chức tín dụng.

Điều 6. Nguyên tắc vay vốn

Khách hàng vay vốn của tổ chức tín dụng phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;
2. Phải hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đúng hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;
3. Việc bảo đảm tiền vay phải thực hiện quy định của Chính phủ và của thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 7. Điều kiện vay vốn

Tổ chức tín dụng xem xét và quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện sau:

1. Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, cụ thể là:

a) Pháp nhân phải có năng lực pháp luật dân sự;

b) Cá nhân và chủ doanh nghiệp tư nhân phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự;

c) Đại diện của hộ gia đình phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự;

d) Đại diện của tổ hợp tác phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự;

2. Có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết;

3. Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp;

4. Có dự án đầu tư hoặc phương án sản xuất kinh doanh khả thi, có hiệu quả;

5. Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 8. Loại cho vay

1. Cho vay ngắn hạn: Tổ chức tín dụng cho khách hàng vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đời sống.

2. Cho vay trung hạn, dài hạn: Tổ chức tín dụng cho khách hàng vay vốn trung hạn, dài hạn nhằm thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống.

Điều 9. Đối tượng cho vay

1. Tổ chức tín dụng cho vay các đối tượng:

a) Giá trị vật tư hàng hoá, máy móc, thiết bị và các khoản chi phí để khách hàng thực hiện các dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống và đầu tư phát triển;

b) Số tiền thuế xuất khẩu khách hàng phải nộp để làm thủ tục xuất khẩu mà giá trị lô hàng xuất khẩu đó, tổ chức tín dụng có tham gia cho vay;

c) Số lãi tiền vay trả cho tổ chức tín dụng trong thời hạn thi công, chưa bàn giao và đưa tài sản cố định vào sử dụng đối với cho vay trung hạn, dài hạn để đầu tư tài sản cố định mà khoản trả lãi tính trong giá trị tài sản cố định đó.

2. Tổ chức tín dụng không được cho vay các đối tượng:

a) Số tiền thuế phải nộp; trừ số tiền thuế xuất khẩu quy định tại tiết b, khoản 1 Điều này;

b) Số tiền để trả nợ gốc và lãi cho tổ chức tín dụng khác;

c) Số lãi tiền vay trả cho chính tổ chức tín dụng cho vay vốn; trừ trường hợp cho vay số lãi tiền vay theo quy định tại tiết c, khoản 1 Điều này.

Điều 10. Thời hạn cho vay

Tổ chức tín dụng và khách hàng thoả thuận về thời hạn cho vay theo hai loại:

1.Cho vay ngắn hạn: tối đa đến 12 tháng, được xác định phù hợp với chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng.

2.Cho vay trung hạn, dài hạn: thời hạn cho vay được xác định phù hợp với thời hạn thu hồi vốn của dự án đầu tư, khả năng trả nợ của khách hàng và tính chất nguồn vốn cho vay của tổ chức tín dụng:

a)Thời hạn cho vay trung hạn: Từ 12 tháng đến 60 tháng (5 năm);

b)Thời hạn cho vay dài hạn: Từ trên 60 tháng trở lên nhưng không quá thời hạn hoạt động còn lại theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập đối với pháp nhân và không quá 15 năm đối với cho vay các dự án phục vụ đời sống.

Điều 11. Lãi suất cho vay

1.Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng. Tổ chức tín dụng có trách nhiệm công bố công khai các mức lãi suất cho vay cho khách hàng biết.

2.Lãi suất cho vay ưu đãi được áp dụng đối với các khách hàng được ưu đãi về lãi suất theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

3.Trường hợp khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, phải áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo mức quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng.

Điều 12. Mức cho vay

Tổ chức tín dụng căn cứ vào nhu cầu vay vốn của khách hàng, tỷ lệ cho vay tối đa so với giá trị tài sản làm bảo đảm tiền vay theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, khả năng trả nợ của khách hàng và khả năng nguồn vốn của mình để quyết định mức cho vay, nhưng không vượt quá mức quy định tại Điều 79 của Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 13. Trả nợ gốc và lãi

1.Căn cứ vào đặc điểm sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khả năng tài chính, thu nhập và nguồn trả nợ của khách hàng, tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về việc trả nợ gốc và lãi tiền vay như sau:

a)Các kỳ hạn trả nợ gốc:

b)Các kỳ hạn trả lãi tiền vay cùng với kỳ hạn trả nợ gốc hoặc theo kỳ hạn riêng;

c)Đồng tiền trả nợ và việc bảo đảm giá trị nợ gốc bằng các hình thức thích hợp phù hợp với quy định của Pháp luật.

2.Khi hết kỳ hạn trả nợ hoặc kết thúc thời hạn cho vay, nếu khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn và không được điều chỉnh kỳ hạn nợ hoặc không được gia hạn nợ thì số nợ đến hạn phải chuyển sang nợ quá hạn và khách hàng phải chịu lãi suất nợ quá hạn đối với số tiền chậm trả.